

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/DS-PT  
Ngày 18 tháng 5 năm 2022  
Về việc tranh chấp ranh giới  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng
- **Các Thẩm phán:** Ông Sỹ Danh Đạt  
Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 4 và ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2022/QĐ- PT ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 82, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị B:** Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 67B, khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú: Số 86, ấp B B, xã B Trung, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2021).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số 104, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 236, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

3.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Số 104, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, là bị đơn, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Chị T, ông V và ông N có mặt; Bà T có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Hồ Thị B do bà Huỳnh Thị Cẩm T đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà Hồ Thị B được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.800m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 374e, tờ bản đồ số 5a (bản đồ 299), đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/10/2008. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng, giáp với thửa đất của bà B là thửa đất số 57, tờ bản đồ số 28 của hộ bà Nguyễn Thị T. Ranh đất của hai thửa đất là từ mí con mương do cha bà B đào (toàn bộ con mương là đất của bà B và hiện nay con mương đã bị bồi đắp). Năm 2015, bà T tự ý cắm trụ đá và làm hàng rào lưới B40 lấn qua phần đất của bà B, đo đạc thực tế là 30,3m<sup>2</sup> trong chu vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1. Bà B nhiều lần yêu cầu bà T di dời hàng rào trả lại đất nhưng bà T không đồng ý.

Theo sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ngày 23/4/2021 và ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thửa đất số 374e của bà B còn lại 1.404,8m<sup>2</sup> cộng với 30,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp, tổng cộng là 1.435,1m<sup>2</sup>, so với giấy được cấp thì thiếu 364,9m<sup>2</sup>. Còn phần đất của hộ bà T đo đạc thực tế 607,7m<sup>2</sup> cộng với 30,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp, tổng cộng là 638m<sup>2</sup>, so với giấy được cấp là 626m<sup>2</sup> dư 12m<sup>2</sup>. Mặc dù, phần đất thực tế so với giấy được cấp bị thiếu rất nhiều, diện tích đất của bà B là theo bản đồ 299, chưa cấp đổi qua bản đồ địa chính chính quy. Còn phần đất của bà T vào năm 2008 đổi qua bản đồ địa chính chính quy diện tích là 626m<sup>2</sup>, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện ranh đất của bà B, bà T và hộ giáp ranh khác là đường thẳng nhằm để ổn định ranh đất giữa các thửa đất. Nay bà B đồng ý đo đủ cho hộ bà T diện tích đất theo giấy đã cấp vào ngày 12/12/2008 diện tích là 626m<sup>2</sup>, phần diện tích đất còn lại 12m<sup>2</sup> trong chu vi các mốc M3, M4, M18, M19 về M3, yêu cầu gia đình bà T phải có nghĩa vụ di dời hàng rào lưới B40 trả lại cho bà B. Xác định ranh đất giữa thửa đất số 374e của bà B với thửa đất số 57 của bà T là đường thẳng kéo từ

mốc M18 đến mốc M19 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà T đứng tên diện tích đất 626m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 28, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy vào ngày 12/12/2008. Hiện trạng ranh đất giữa hai bên trước đây là con mương lạng có từ lâu đời không biết ai đào nhưng hai bên cùng sử dụng và gia đình bà T cũng có vết mương. Vào năm 2008, khi làm thủ tục cấp giấy những hộ giáp ranh chứng kiến và ký tên trong đó có ông Hồ Văn Mầm cha của bà B. Theo đó, ranh đất giữa hai thửa đất là giữa con mương lạng.

Nay Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo diện tích đất của bà T trong chu vi các mốc M1, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M2 về M1 là 607,7m<sup>2</sup> bị thiếu so với giấy là 18,3m<sup>2</sup> và bà B đồng ý giao phần diện tích đất tranh chấp trong chu vi các mốc M1, M2, M19, M18 về M1 là 18,3m<sup>2</sup> đủ diện tích là 626m<sup>2</sup> theo giấy bà T đồng ý di dời hàng rào lưới B40 trả lại diện tích đất là 12m<sup>2</sup> thể hiện trong chu vi các mốc M3, M4, M18, M19 về M3 cho bà B.

*Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn V đại diện theo uỷ quyền của bà T trình bày:* Bà T không đồng ý theo nội dung đã thống nhất tại biên bản hoà giải ngày 08/6/2021. Bởi vì, Nguồn gốc đất thửa đất số 57, tờ bản đồ số 28, diện tích 626m<sup>2</sup> đã được cấp giấy cho hộ bà T vào ngày 12/12/2008. Bà B cho rằng năm 2015, bà T tự ý làm hàng rào trụ đá lưới B40 lấn qua phần đất của bà B, từ năm 2015 đến năm 2020 bà B mới khởi kiện. Bà T được cấp giấy theo bản đồ địa chính chính quy tỉ lệ 1/500, cơ quan có thẩm quyền lập bản đồ chính quy có sự chứng kiến, xác nhận ranh giới và cắm trụ đá ranh các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc với các hộ liền kề (có gia đình bà B) theo hiện trạng trụ đá ranh giới mà bà T sử dụng cho đến nay. Tại trích lục bản đồ số 9891/2019/TL-ĐC ngày 31/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thể hiện thửa 57 tờ bản đồ số 28, có cạnh và chiều dài như sau: Hướng Bắc cạnh 2 giáp đường đất đến cạnh 1 giáp bà B là 28,57m đo đạc thực tế có chiều dài 28,53m, chênh lệch thiếu là 0,04m. Hướng Nam cạnh 6 giáp đường đến cạnh 7, 8 giáp bà B có chiều dài 25,26m đo đạc thực tế là 26,01m chênh lệch dư 0,75m.

Tổng diện tích đất của bà T trong giấy 626m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế 638m<sup>2</sup>, dư 12m<sup>2</sup>. Việc đất của bà T dư là do chênh lệch chiều dài các cạnh của chu vi thửa đất chứ không phải bà T lấn đất của bà B, theo quy định hộ bà T sẽ làm thủ tục điều chỉnh lại giấy theo thực tế sử dụng, bà T không đồng ý theo như yêu cầu của bà B, giữ nguyên hiện trạng ranh đất giữa hai bên tại mốc M3 đến M4 theo sơ đồ đo đạc ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Ông N thống nhất đo đủ diện tích đất là 626m<sup>2</sup> theo giấy đã cấp cho hộ bà T vào ngày 12/12/2008. Gia đình ông N

đồng ý di dời hàng rào lưới B40 trả lại diện tích đất là 12m<sup>2</sup> thể hiện qua các mốc M3, M4, M18, M19 về M3 cho bà B.

Tại phiên toà sơ thẩm ông N không đồng ý theo như yêu cầu của bà B, giữ nguyên hiện trạng ranh đất giữa hai bên tại mốc M3 đến M4 theo sơ đồ đo đạc ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà T thống nhất đo đủ diện tích đất là 626m<sup>2</sup> theo giấy đã cấp cho hộ bà T vào ngày 12/12/2008. Gia đình bà T đồng ý di dời hàng rào lưới B40 trả lại diện tích đất là 12m<sup>2</sup> thể hiện qua các mốc M3, M4, M18, M19 về M3 cho bà B.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/11/2021, bà T trình bày: Bà T thay đổi ý kiến những nội dung đã thống nhất tại biên bản hoà giải ngày 08/6/2021 của Toà án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu hộ bà T có nghĩa vụ trả lại diện tích đất là 12m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M3, M4, M18, M19 về M3, giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp là trụ đá có từ trước đến nay.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L xét xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

1.1. Buộc hộ bà Nguyễn Thị T, gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ di dời toàn bộ hàng rào trụ đá lưới B40 để trả lại cho bà Hồ Thị B diện tích đất 12m<sup>2</sup> trong chu vi các mốc M3, M4, M18, M19 về M3 đất tọa lạc tại ấp Bình Hoà, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

1.2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 374e, tờ bản đồ số 5a (bản đồ 299) của bà Hồ Thị B với thửa số 57, tờ bản đồ số 28 (bản đồ địa chính chính quy) của hộ bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại ấp Bình Hoà, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối từ mốc M18 đến mốc M19 theo sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Tài sản của các bên (nếu có) lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2021 của Toà án nhân dân huyện L và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như bản án đã tuyên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BI/2019/0009598 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp số tiền 5.937.000 đồng để trả lại cho bà Hồ Thị B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22/12/2021, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Huỳnh Thị Cẩm T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị B thống nhất bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B về việc yêu cầu bà T, ông N, bà T di dời toàn bộ hàng rào trụ đá lưới B40 trả lại cho bà B diện tích đất 12m<sup>2</sup> trong chu vi các mốc: M3, M4, M18, M19 về M3, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà B diện tích 1.800m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế 1.404,8m<sup>2</sup> cộng với 30,3m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp, tổng cộng 1.435,1m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu 364,9m<sup>2</sup>. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ bà T tại thửa số 57, tờ bản đồ số 28 diện tích 626m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế 638m<sup>2</sup> (gồm phần đất tranh chấp 30,3m<sup>2</sup>) là thừa 12m<sup>2</sup>.

Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận ranh đất trước kia là một con mương, bà B cho rằng toàn bộ con mương của bà B, còn bà T cho rằng ranh đất giữa hai bên trước đây là con mương lạng có từ lâu không biết ai đào hai bên cùng sử dụng, bà T có vết mương nên ranh đất mỗi người nửa mương.

Theo trích lục bản đồ địa chính thửa 57 của hộ bà T cạnh giáp thửa 137 có chiều dài là 28,57m, đo đạc thực tế bà T xác nhận 28,53m là thiếu 0,04m, cạnh giáp thửa 63 là 25,26m, đo đạc thực tế là 26,01m (dư 0,75m), cạnh giáp đất bà B thửa 374e (thửa mới là 40) tranh chấp là 19,53m, đo đạc thực tế là 18,43m thiếu 1,1m, cạnh giáp đường đất là 29,48, đo đạc thực tế là 31,08m dư 1,6m. Như vậy, kích thước phần đất của hộ bà T theo giấy chứng nhận được cấp và theo thực tế đo đạc bà T chỉ đều không khớp với nhau. Tuy nhiên, diện tích đất thực tế của bà T tại các mốc M18, M1, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M2, M19 về M18 diện tích là 626m<sup>2</sup> là đủ theo giấy chứng nhận của bà T.

Căn cứ vào trích lục bản đồ của thửa đất 57 của bà T phần giáp ranh với thửa đất của bà B các thửa đất liền kề của ông Hào, bà Miều, ông Tùng là đường thẳng, không phải ranh đất của bà B và bà T là đường gấp khúc so với các thửa đất liền kề khác. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V đại diện cho bà T, ông N cho rằng khi đo cấp đổi giấy cho hộ bà T, ông Mầm chỉ ranh cắm trụ đá là mốc M3 và M4, trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 57, chiều dài giáp đất bà B là 19,53m, đo đạc thực tế mốc M3 đến M4 là 18,43m thiếu 1,1m. Như vậy, bà T cho rằng ông Mầm chỉ ranh mốc M3 đến M4 là không phù hợp, nếu cắm trụ đá tại mốc M3 và mốc M4 không thể thiếu 1,1m chiều dài.

Ông N cho rằng ranh đất trước kia của bà B và gia đình ông là cây bần nhưng cây bần đã chết, ranh đất hiện nay tại vị trí gia đình ông làm hàng rào, ông không có chứng cứ để chứng minh hàng rào là tại cây bần trước đây.

Tại Công văn số: 101/UBND-TN ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp thông tin như sau: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà B thửa 374e diện tích 1.800m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế diện tích đất của bà B chỉ còn lại 1.404,8m<sup>2</sup> cộng với 30,3m<sup>2</sup> đang tranh chấp tổng cộng là 1.435,1m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì thiếu 364,9m<sup>2</sup>. Còn diện tích đất của hộ bà T được cấp là 626m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế là 638m<sup>2</sup> so với giấy là dư 12m<sup>2</sup>. Diện tích đất của bà B bị thiếu 364,9m<sup>2</sup> và diện tích đất của hộ bà T bị dư 12m<sup>2</sup> là do đo đạc lại theo ranh giới mốc giới các đương sự xác định. Về trình tự thủ tục cấp giấy đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, phần diện tích đất 12m<sup>2</sup> tại mốc M3, M4, M18, M19 về M3 thuộc thửa 374e Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy cho bà B, việc hộ bà T xây dựng hàng rào lưới B40 xâm phạm đến quyền lợi của bà B. Bà T có nghĩa vụ di dời hàng rào trả lại diện tích đất 12m<sup>2</sup> cho bà B. Ranh giới quyền sử dụng đất thửa đất số 374e, tờ bản đồ số 5a (bản đồ 299) của bà B và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 28 (bản đồ địa chính chính quy) của hộ bà T là đoạn thẳng nối M18 đến M19 theo sơ đồ đo đạc ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà B là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông N không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T, ông N, bà T là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông N, bà T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của bà T, ông N, bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà T, ông N là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

3.1. Buộc hộ bà Nguyễn Thị T, gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ di dời toàn bộ hàng rào trụ đá lưới B40 để trả lại cho bà Hồ Thị B diện tích đất 12m<sup>2</sup> trong chu vi các mốc M3, M4, M18, M19 về M3 đất tọa lạc tại ấp Bình Hoà, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

3.2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 374e, tờ bản đồ số 5a (bản đồ 299) của bà Hồ Thị B với thửa số 57, tờ bản đồ số 28 (bản đồ địa chính chính quy) của hộ bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại ấp Bình Hoà, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối từ mốc M18 đến mốc M19 theo sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Tài sản của các bên (nếu có) lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 24/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như bản án đã tuyên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/0009598 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp số tiền 5.937.000 đồng (Năm triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) trả lại cho bà Hồ Thị B.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0002466 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Chí Dũng**

**Thành viên  
Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Sỹ Danh Đạt- Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**

**Nguyễn Chí Dũng**

